

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
	1 - 2
Thông tin chung	3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4 - 5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
Bảng cân đối kế toán riêng	8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 42
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 1 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Lim Heon Young	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc	
	Thường trực kiêm Giám đốc tài chính	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Xuân Cường, Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Đỗ Huy Cường, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Giấy Ủy quyền số 051401/2020/UQ-APH ngày 14 tháng 5 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

18
ÔN
TN
T
Ệ
H
/

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Đỗ Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

02-00
G TY
HH
Y OI
NAN
HÁN
NỘI
M - T

Số tham chiếu: 61515942/22701163

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) được lập ngày 25 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Lê Tuấn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5095-2019-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		464.778.753.097	120.928.995.778
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	86.417.051.039	93.876.841.515
111	1. Tiền		26.417.051.039	276.841.515
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	93.600.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		370.394.443.908	25.270.794.838
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	144.728.760.641	9.052.671.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	45.813.729.972	137.235.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	141.175.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	38.676.953.295	16.080.888.238
140	III. Hàng tồn kho	8	6.684.243.633	652.466.691
141	1. Hàng tồn kho		6.684.243.633	652.466.691
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.283.014.517	1.128.892.734
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.283.014.517	1.128.892.734
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.133.093.079.699	2.721.552.201.826
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.843.866.716	16.801.854.630
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	23	12.977.726.358	-
216	2. Phải thu dài hạn khác		866.140.358	16.801.854.630
220	II. Tài sản cố định		2.911.754.572	2.559.890.949
221	1. Tài sản cố định hữu hình		2.591.892.059	2.398.442.920
222	Nguyên giá		4.099.129.547	3.360.028.638
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.507.237.488)	(961.585.718)
227	2. Tài sản cố định vô hình		319.862.513	161.448.029
228	Nguyên giá		456.372.200	216.838.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(136.509.687)	(55.390.171)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		90.000.000	863.214.066
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		90.000.000	863.214.066
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	9	3.115.105.346.601	2.699.800.610.704
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.115.105.346.601	2.642.143.703.149
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		-	56.156.907.555
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.142.111.810	1.526.631.477
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.142.111.810	1.526.631.477
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.597.871.832.796	2.842.481.197.604


Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		804.760.472.436	670.854.600.890
310	I. Nợ ngắn hạn		160.119.283.910	119.481.639.092
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.071.225.069	1.985.983.243
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	5.480.551.670	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.088.738.481	3.295.835.199
314	4. Phải trả người lao động	13	1.643.258.701	1.842.717.530
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	27.207.395.977	26.408.623.850
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.316.249.940	10.129.548.420
320	7. Vay ngắn hạn	15	120.311.864.072	75.818.930.850
330	II. Nợ dài hạn		644.641.188.526	551.372.961.798
338	1. Vay dài hạn	15	644.641.188.526	551.372.961.798
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.793.111.360.360	2.171.626.596.714
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.793.111.360.360	2.171.626.596.714
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	16	2.024.223.220.000	1.466.773.390.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.951.074.420.000	1.393.624.590.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		73.148.800.000	73.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		657.000.439.100	657.285.989.100
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		111.887.701.260	47.567.217.614
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		47.567.217.614	10.227.748.813
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		64.320.483.646	37.339.468.801
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.597.871.832.796	2.842.481.197.604


Hồ Thị Họa
Người lập kiểm kế toán trưởng


Phạm Đỗ Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc Thường trực


Ngày 30 tháng 3 năm 2022


Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	300.138.912.574	24.223.088.045
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	300.138.912.574	24.223.088.045
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(247.612.827.661)	(11.947.469.723)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.526.084.913	12.275.618.322
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	129.558.178.871	133.210.871.064
22	6. Chi phí tài chính	19	(74.816.172.795)	(47.777.208.443)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		(63.516.609.620)	(46.802.081.579)
25	7. Chi phí bán hàng		(335.065.000)	(50.000.089)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(35.982.117.446)	(49.646.995.960)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		70.950.908.543	48.012.284.894
31	10. Thu nhập khác		13.862.391	42.400.455
32	11. Chi phí khác		(1.000.000.000)	-
40	12. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(986.137.609)	42.400.455
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		69.964.770.934	48.054.685.349
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		69.964.770.934	48.054.685.349


Hồ Thị Hòa
Người lập kế toán trưởng


Phạm Đỗ Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		69.964.770.934	48.054.685.349
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		626.771.286	457.748.492
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		124.339.818	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2,	(122.620.300.815)	(133.175.404.789)
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	19	67.962.442.949	47.668.748.243
08	Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.058.024.172	(36.994.222.705)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(120.052.877.013)	9.231.348.460
10	Tăng hàng tồn kho		(6.031.776.942)	(359.352.291)
11	Tăng các khoản phải trả		4.895.918.176	3.461.741.630
12	Giảm chi phí trả trước		230.397.884	3.471.615.099
14	Tiền lãi vay đã trả		(71.808.001.363)	(21.629.871.361)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(176.708.315.086)	(42.818.741.168)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.335.520.005)	(4.880.268.593)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(303.425.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		162.250.000.000	18.050.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(582.915.435.201)	(417.049.781.199)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		126.286.120.100	214.082.059.696
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		84.036.559.716	78.951.204.915
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(515.103.275.390)	(110.846.785.181)


Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		557.164.280.000	214.779.900.000
34	Tiền thu từ đi vay		534.006.415.523	526.038.266.800
36	Tiền trả nợ gốc vay		(400.695.695.414)	(482.449.228.647)
	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(6.103.475.953)	(10.946.096.877)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		684.371.524.156	247.422.841.276
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(7.440.066.320)	93.757.314.927
60	Tiền đầu năm		93.876.841.515	119.526.588
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(19.724.156)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	86.417.051.039	93.876.841.515


Hồ Thị Hòa
Người lập kiểm kê toán trưởng


Phạm Đức Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 1 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 92 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 101 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 16 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 13 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty Nhựa An Phát Xanh")	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50,75	50,75	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa.
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty An Tiến") (*)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	25,64	50,51	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46,73	92,06	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	23,83	51,00	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd ("Công ty An Thành Singapore") (*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	25,64	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần An Thành Biscol ("Công ty An Thành") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	33,04	99,37	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (*)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	17,95	70,00	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") (**)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	45,10	87,68	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
9	Công ty An Phát International, Inc. ("Công ty APA") (***)	Tòa nhà văn phòng 10701, Dãy 268, thành phố Stafford, bang Texas, Mỹ	50,75	99,99	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC ("Công ty AFC") (***)	PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ	38,07	75	Kinh doanh hạt nhựa
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	56,23	66,75	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
12	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	56,23	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (*)	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	56,23	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	56,23	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (*) (***)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	56,53	99,95	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (**)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	92,31	92,31	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- (*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.
- (**) Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập Công ty PBAT với số tiền là 106 tỷ VND. Tổng số vốn điều lệ của Công ty PBAT là 130 tỷ VND, trong đó, Công ty đăng ký góp 92,31%.
- (***) Trong tháng 4 năm 2021, Công ty An Phát Xanh, công ty con, đã hoàn tất việc mua 7.425.000 cổ phần phát hành mới của Công ty APA, theo đó, Công ty APA trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ sở hữu 99,99%. Tại ngày mua, Công ty APA sở hữu 75% vốn điều lệ trong Công ty AFC. Theo đó, thông qua giao dịch này, Công ty AFC cũng trở thành công ty con của Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Trái phiếu hoán đổi

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định của Công ty, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền hoán đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) trừ trường hợp không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu theo điều khoản hợp đồng (toàn bộ khoản trái phiếu được ghi nhận là nợ phải trả).

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của đơn vị, khác với đơn vị phát hành (Công ty), được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả và trình bày trên chỉ tiêu vay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân này.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	411.777.694	33.819.498
Tiền gửi ngân hàng	26.005.273.345	243.022.017
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	93.600.000.000
TỔNG CỘNG	86.417.051.039	93.876.841.515

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 3,0%/năm (2020: khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng hưởng lãi từ 3,3%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (*) Công ty Manauense Indústria e Comércio de Plásticos Ltda	72.000.000.000	-
Công ty Sabcic Asia Pacific PTE Ltd	9.951.834.000	-
Công ty Gulf Polymers Distribution	8.424.683.550	-
Phải thu từ các đối tượng khác	3.043.112.007	9.052.671.600
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	8.109.337.700	-
TỔNG CỘNG	144.728.760.641	9.052.671.600

(*) Đây là khoản phải thu tiền bán 1.800.000 cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội (mã cổ phiếu NHH) thông qua phương thức khớp lệnh vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Formosa Plastics Corporation, U.S.A	21.294.743.489	-
Công ty Quantum Polymers, Inc	4.542.715.227	-
Trả trước cho người bán khác	3.575.601.256	137.235.000
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	16.400.670.000	-
TỔNG CỘNG	45.813.729.972	137.235.000

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đối tác doanh nghiệp số 1 (*)	67.000.000.000	-
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 23)	74.175.000.000	-
TỔNG CỘNG	141.175.000.000	-

(*) Đây là các khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay tín chấp theo hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 12 năm 2022, hưởng lãi suất 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu chuyển nhượng và lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	16.958.567.727	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	11.004.343.513	-	4.823.824.111	-
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	3.368.343.327	-	10.829.025.327	-
Lãi cho vay phải thu	7.309.807.396	-	93.927.945	-
Phải thu khác	35.891.332	-	334.110.855	-
TỔNG CỘNG	38.676.953.295	-	16.080.888.238	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	24.422.390.657		9.738.896.181	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	14.254.562.638		6.341.992.057	
Dài hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	-	-	15.935.714.272	-
Ký quỹ dài hạn	866.140.358	-	866.140.358	-
TỔNG CỘNG	866.140.358	-	16.801.854.630	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	866.140.358	-	16.801.854.630	-

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương (“Công ty Hoàng Phương”) và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yến, Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành.

Theo Hợp Đồng chuyển nhượng vốn góp số 1101/2021/HĐCNV/APH-HP ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong hợp đồng hợp tác đầu tư ban đầu cho Công ty Hoàng Phương với tổng giá trị chuyển nhượng là 15,6 tỷ VND được thanh toán trong 6 đợt và hoàn thành trước Quý 2 năm 2022. Theo đó, trong năm Công ty đã phân loại khoản phải thu dài hạn sang phải thu ngắn hạn khác.

Khoản phải thu ngắn hạn nêu trên bao gồm phí chuyển nhượng và lãi phải thu từ hoạt động hợp tác trước thời điểm chuyển nhượng vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	6.145.351.830	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	515.798.264	-	541.936.782	-
Công cụ, dụng cụ	23.093.539	-	110.529.909	-
TỔNG CỘNG	6.684.243.633	-	652.466.691	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý (VND)
	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	
					Dự phòng (VND)
Đầu tư vào công ty con		3.115.105.346.601		2.642.143.703.149	
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (ii) (iii) (iv)	50,75%	2.544.121.436.339	53,18%	2.101.378.566.479	- 1.698.061.118.400
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii) (iii)	45,38%	458.258.010.262	52,15%	526.605.405.236	- 1.079.391.245.600
- Công ty PBAT (Thuyết minh số 1)	92,31%	106.000.000.000	-	-	-
- Công ty An Tiến (v)	-	-	1,23%	7.433.831.434	- 7.861.180.800
- Công ty An Vinh	1,22%	5.225.900.000	1,22%	5.225.900.000	- (i)
- Công ty An Cường	0,77%	1.500.000.000	1,03%	1.500.000.000	- (i)
				56.156.907.555	
Đầu tư vào công ty liên kết					
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh (vi)	-	-	24,54%	56.156.907.555	- 41.404.927.500
				1.500.000.000	
Đầu tư vào đơn vị khác					
- Công ty An Phát Finance	-	-	15%	1.500.000.000	- (i)
TỔNG CỘNG		3.115.105.346.601		2.699.800.610.704	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.
- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh, Công ty Nhựa Hà Nội và Công ty An Tiến được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (iii) Một số cổ phiếu của các công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 13.
- (iv) Trong tháng 6 năm 2021, Công ty Nhựa An Phát Xanh đã hoàn thành việc chào bán 75 triệu cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá, trong đó, Công ty đã mua thêm 32.208.146 cổ phần với tổng giá giá phí là 452.964.044.000 VND. Sau giao dịch này và một số giao dịch khác, Công ty nắm giữ 150.619.644 cổ phần, tương đương với 50,59% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty Nhựa An Phát Xanh.
- (v) Trong tháng 11 năm 2021, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần sở hữu trực tiếp trong Công ty An Tiến thông qua phương thức khớp lệnh với giá phí là 9,3 tỷ VND.
- (vi) Trong tháng 11 năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Nhựa Bao bì Vinh cho Công ty Nhựa An Phát Xanh, công ty con, dưới hình thức giao dịch thỏa thuận với giá phí là 56,9 tỷ VND.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.225.325.357	14.849.823.097	(16.021.680.548)	2.053.467.906
Thuế thu nhập cá nhân	70.509.842	148.166.347	(183.405.614)	35.270.575
Thuế, phí khác	-	821.875.300	(821.875.300)	-
TỔNG CỘNG	3.295.835.199	15,819,864,744	(17,026,961,462)	2.088.738.481

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Shandong Xieheng Plastic Additives Co., LTD	2.031.742.440	-
Khác	-	303.173.777
Phải trả bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 23)	39.482.629	1.682.809.466
TỔNG CỘNG	2.071.225.069	1.985.983.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Primazol Corp	1.247.195.400	-
Công ty Polystar Plastic Limited	1.570.989.450	-
Công ty MountainLux DMCC	1.956.451.200	-
Đối tượng khác	705.915.620	-
TỔNG CỘNG	5.480.551.670	-

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	26.630.794.512	26.408.623.850
Chi phí phải trả khác	576.601.465	-
TỔNG CỘNG	27.207.395.977	26.408.623.850

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	818.096.266	1.277.284.932
Lãi vay phải trả	-	8.513.562.405
Phải trả ngắn hạn khác	498.153.674	338.701.083
TỔNG CỘNG	1.316.249.940	10.129.548.420
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	818.096.266	9.614.650.077
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	498.153.674	514.898.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY

	Số đầu năm				Phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
		53.182.412.476	53.182.412.476					2.520.605.943	(53.703.018.419)	
Vay ngắn hạn										
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 15.1)	53.182.412.476	53.182.412.476	2.520.605.943	(53.703.018.419)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	17.336.518.374	17.336.518.374	214.842.147.322	(163.866.801.624)	68.311.864.072	68.311.864.072	68.311.864.072	68.311.864.072		
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 15.4)	-	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000		
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 23)	5.300.000.000	5.300.000.000	7.600.000.000	(12.900.000.000)	-	-	-	-		
TỔNG CỘNG	75.818.930.850	75.818.930.850	274.962.753.265	(230.469.820.043)	120.311.864.072,00	120.311.864.072,00	120.311.864.072	120.311.864.072		
Vay dài hạn										
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 15.3)	601.295.134	601.295.134	4.606.512	(227.213.112)	378.688.534	378.688.534	378.688.534	378.688.534		
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 15.4)	445.666.666.664	445.666.666.664	454.445.833.329	(255.850.000.001)	644.262.499.992	644.262.499.992	644.262.499.992	644.262.499.992		
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 23)	105.105.000.000	105.105.000.000	38.000.000.000	(143.105.000.000)	-	-	-	-		
TỔNG CỘNG	551.372.961.798	551.372.961.798	492.450.439.841	(399.182.213.113)	644.641.188.526	644.641.188.526	644.641.188.526	644.641.188.526		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.1 Vay đối tượng khác ngắn hạn

Số dư cuối năm bao gồm khoản vay có giá trị 2.000.000.000 VND từ Công ty Navisoft không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn vào tháng 4 năm 2022 với lãi suất 8%/năm.

15.2 Vay ngân hàng ngắn hạn

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2022 với lãi suất từ 6,0%/năm đến 6,3%/năm. Trong đó, bao gồm một khoản vay với số dư là 25,2 tỷ VND có tài sản đảm bảo là 2.720.000 cổ phiếu Công ty Nhựa An Phát Xanh (mã cổ phiếu "AAA") thuộc sở hữu của Công ty và khoản vay còn lại với số dư 43 tỷ VND không có tài sản đảm bảo.

15.3 Vay ngân hàng dài hạn

Số dư cuối năm bao gồm một khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn lần cuối vào tháng 6 năm 2023 với lãi suất 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 3 xe ô tô có giá trị còn lại là 1 tỷ VND.

15.4 Trái phiếu phát hành

Số dư cuối năm gồm:

- (i) Trái phiếu dài hạn đến hạn trả bao gồm 500 trái phiếu phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND không có tài sản đảm bảo cho một đối tác doanh nghiệp theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu đáo hạn vào tháng 6 năm 2022, với lãi suất 8%/năm;
- (ii) Trái phiếu hoán đổi có giá trị 260 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 7 năm 2020 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2023. Trái phiếu này có lãi suất cố định 8%/năm và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là 15.000.588 cổ phiếu AAA và 3.522.858 cổ phiếu NHH. Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền, vào bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian từ ngày 3 tháng 7 năm 2021 đến ngày đáo hạn của trái phiếu, hoán đổi tất cả hoặc bất kỳ trái phiếu theo cách thức được quy định trong hợp đồng thành cổ phần phổ thông của AAA hoặc của NHH, với điều kiện là khi hoán đổi tất cả các trái phiếu thành cổ phần hoán đổi, tỷ lệ hoán đổi tối đa của cổ phần phổ thông của AAA hoặc NHH không được vượt quá 75% tiền gốc của trái phiếu.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu trên do cổ phiếu có thể được hoán đổi là cổ phiếu của công ty con và trái chủ có quyền yêu cầu thanh toán khoản gốc trái phiếu bằng tiền, do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả thuộc khoản mục vay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng.

- (iii) Trái phiếu thường có giá trị 450 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 4 năm 2021 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 4 năm 2024. Trái phiếu này có lãi suất cố định 9%/năm trong 2 năm đầu và 9,5%/năm trong năm cuối và được thế chấp bằng tài sản đảm bảo là 12.272.728 cổ phiếu APH được sở hữu bởi Công ty TNHH IGG USA Việt Nam, 13.026.697 cổ phiếu AAA và 4.500.000 cổ phiếu NHH được sở hữu bởi Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	1.423.773.390.000	485.506.089.100	10.227.748.813	1.919.507.227.913
- Tăng vốn trong năm	43.000.000.000	171.779.900.000	-	214.779.900.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	48.054.685.349	48.054.685.349
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(10.715.216.548)	(10.715.216.548)
Số cuối năm	1.466.773.390.000	657.285.989.100	47.567.217.614	2.171.626.596.714
Năm nay				
Số đầu năm	1.466.773.390.000	657.285.989.100	47.567.217.614	2.171.626.596.714
- Tăng vốn trong năm (i)	557.449.830.000	(285.550.000)	-	557.164.280.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	69.964.770.934	69.964.770.934
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(5.644.287.288)	(5.644.287.288)
Số cuối năm	2.024.223.220.000	657.000.439.100	111.887.701.260	2.793.111.360.360

(i) Theo Nghị quyết số 080/101/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 1 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông và Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 20/GCN-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phát hành thêm tổng cộng 55.744.983 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với giá mua bằng mệnh giá và tỷ lệ thực hiện quyền mua là 100:40. Theo đó, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty tăng thêm trong năm với số tiền là 557,4 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm Cổ tức phải trả cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi	5.644.287.288	10.715.216.548

16.3 Cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phần đăng ký phát hành				
Cổ phần phổ thông	195.107.442	1.951.074.420.000	139.362.459	1.393.624.590.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
Cổ phần đã bán ra công chúng				
Cổ phần phổ thông	195.107.442	1.951.074.420.000	139.362.459	1.393.624.590.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
Cổ phần đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	195.107.442	1.951.074.420.000	139.362.459	1.393.624.590.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	300.138.912.574	24.223.088.045
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	246.004.786.479	8.594.682.045
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	54.134.126.095	15.628.406.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	300.138.912.574	24.223.088.045
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	59.444.977.108	22.567.498.045
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	240.693.935.466	1.655.590.000

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	80.271.510.200	62.372.188.899
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	37.097.986.137	64.906.789.075
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	10.930.928.967	5.896.426.815
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.257.753.567	35.466.275
TỔNG CỘNG	129.558.178.871	133.210.871.064

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	243.593.453.428	7.729.186.790
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.019.374.233	4.218.282.933
TỔNG CỘNG	247.612.827.661	11.947.469.723

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	67.962.442.949	47.668.748.243
Lỗ từ hoán đổi trái phiếu	6.487.066.106	-
Chi phí tài chính khác	366.663.740	108.460.200
TỔNG CỘNG	74.816.172.795	47.777.208.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.141.744.921	19.940.797.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.890.770.967	12.403.708.076
Chi phí khấu hao và hao mòn	626.771.286	457.748.492
Chi phí bằng tiền khác	4.322.830.272	16.844.741.920
TỔNG CỘNG	35.982.117.446	49.646.995.960

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	22.161.119.154	24.159.080.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.228.470.767	12.403.708.076
Chi phí khấu hao và hao mòn	626.771.286	457.748.492
Chi phí bằng tiền khác	4.320.195.472	16.894.742.009
TỔNG CỘNG	40.336.556.679	53.915.278.982

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.964.770.934	48.054.685.349
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	13.992.954.187	9.610.937.070
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	217.704.291	231.070.694
Chênh lệch tỷ giá đánh giá khoản phải thu	24.071.896	-
Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	3.067.334.502	2.806.108.097
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(16.202.790.210)	(12.456.606.970)
Chuyển lỗ năm trước	(1.099.274.666)	(191.508.891)
Chi phí thuế TNDN	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

22.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2021	Không được chuyển lỗ	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2021
2018	2023	24.436.143.629	(7.717.593.198)	-	16.718.550.431
2019	2024	3.823.735.471	-	-	3.823.735.471
TỔNG CỘNG		28.259.879.100	(7.717.593.198)	-	20.542.285.902

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với lỗ tính thuế nêu trên do Công ty không chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP

Theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP, chi phí lãi vay không được khấu trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp sau phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Chi phí lãi vay không được khấu trừ	Đã chuyển đến ngày 31/12/2021	Không được chuyển	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển tại ngày 31/12/2021
2018	2023	1.286.137.196	-	-	1.286.137.196
2019	2024	9.089.540.057	-	-	9.089.540.057
2020	2025	14.030.540.484	-	-	14.030.540.484
2021	2026	15.336.672.508	-	-	15.336.672.508
TỔNG CỘNG		39.742.890.245	-	-	39.742.890.245

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với chi phí lãi vay không được trừ nêu trên do Công ty không chắc chắn được tổng chi phí lãi vay phát sinh của kỳ tiếp theo thấp hơn mức quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Cổ tức	75.309.822.000	56.152.825.000
		Chuyển nhượng cổ phần	56.862.767.100	108.678.000.000
		Mua hàng hóa dịch vụ	76.190.872.254	-
Công ty An Thành	Công ty con	Đi vay	1.600.000.000	124.255.000.000
		Trả gốc vay	33.955.000.000	122.900.000.000
		Doanh thu bán hàng	69.690.701.983	-
		Cho vay	51.000.000.000	-
		Nhận tiền cho vay	51.000.000.000	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	-	60.580.000.000
		Nhận gốc vay	-	60.580.000.000
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Đi vay	11.900.000.000	84.150.000.000
		Trả gốc vay	87.950.000.000	8.100.000.000
		Chi phí lãi vay	1.551.317.122	5.994.887.818
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.500.000.000	-
Công ty An Tiến	Công ty con	Chuyển nhượng vốn	-	21.850.000.000
		Thu tiền chuyển nhượng vốn	-	21.850.000.000
Công ty An Cường	Công ty con	Doanh thu bán hàng	135.985.295.098	-
		Cho vay	96.000.000.000	-
		Nhận lại tiền cho vay	96.000.000.000	-
Công ty APA	Công ty con	Doanh thu bán hàng	17.484.109.585	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết	Nhận tiền vay	3.000.000.000	3.000.000.000
		Trả tiền vay	5.000.000.000	1.000.000.000
Công ty An Vinh	Công ty con	Cho vay	20.000.000.000	-
		Nhận lại tiền cho vay	20.000.000.000	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Cổ tức	19.003.367.000	19.000.000.000
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay	113.000.000.000	-
		Nhận lại tiền cho vay	53.250.000.000	-
		Đi vay	26.100.000.000	-
		Trả gốc vay	26.100.000.000	-
Công ty VMC	Công ty con	Cho vay	9.000.000.000	-
		Nhận lại tiền cho vay	6.000.000.000	-
Công ty An Trung	Công ty con	Cho vay	15.525.000.000	-
		Nhận lại tiền cho vay	4.100.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng Hoàn ứng	192.190.000 265.610.968	3.608.791.541 4.681.599.866
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng Hoàn ứng	110.000.000 110.000.000	1.520.200.000 2.920.031.648
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng Hoàn ứng	8.625.854.377 5.805.500.000	7.917.363.644 4.917.363.644
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng Hoàn ứng	700.000.000 14.267.717	5.427.484.652 5.462.484.652
Công ty Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức	3.312.394.200	3.312.394.200

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ, cho vay và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay và đi vay có lãi suất) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Đơn vị tính: VND				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty APA	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	17.540.021.203	-
Công ty An Thành Bicsol	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	25.659.772.181	-
			43.199.793.384	-
Phải thu trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Trả trước tiền hàng	10.704.420.000	-
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Trả trước tiền hàng	5.696.250.000	-
			16.400.670.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
Phải thu dài hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa	12.977.726.358	-
			12.977.726.358	-
Phải thu cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty VMC (i)	Công ty con	Cho vay	3.000.000.000	-
Công ty An Trung (i)	Công ty con	Cho vay	11.425.000.000	-
Công ty Cổ phần AnBio (ii)	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay	59.750.000.000	-
			74.175.000.000	-

(i) Đây là các khoản cho Công ty Cổ phần An Trung và Công ty VMC vay không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 2 năm 2022 và hưởng lãi suất 6,3%/năm.

(ii) Đây là các khoản cho Công ty Cổ phần Anbio vay không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 5 năm 2022 và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 7)

Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Đặt cọc	3.260.958.327	3.260.958.327
Công ty Cổ phần AnBio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Lãi vay	3.434.671.231	-
Công ty VMC	Công ty con	Lãi vay	41.597.261	-
Công ty An Trung	Công ty con	Lãi vay	154.634.795	-
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	5.820.354.377	3.000.000.000
Các cá nhân khác	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.542.346.647	81.033.730
			14.254.562.638	6.341.992.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)				
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.414.225.988
Các công ty con khác	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	39.482.629	268.583.478
			39.482.629	1.682.809.466
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 14)				
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Lãi vay	-	4.894.887.818
Công ty An Thành	Công ty con	Lãi vay	-	3.400.895.135
Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam	Cổ đồng	Cổ tức phải trả	818.096.266	1.277.284.932
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	Các bên liên quan khác	Lãi vay	-	41.582.192
			818.096.266	9.614.650.077
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
			-	5.300.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh số 15)				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay dài hạn	-	29.055.000.000
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Vay dài hạn	-	76.050.000.000
			-	105.105.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	120.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	700.879.333	902.746.812
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	596.036.128	740.742.793
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	662.985.327	678.175.366
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	120.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	199.482.552	-
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
TỔNG CỘNG		2.759.383.340	2.831.664.971

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh: cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và bán hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm về nhựa.

Công ty theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Công ty trên báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Công ty (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Ban Tổng giám đốc cũng xác định hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

24.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	54.134.126.095	246.004.786.479	-	300.138.912.574
Tổng doanh thu	54.134.126.095	246.004.786.479	-	300.138.912.574
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Khấu hao và hao mòn	597.997.881	28.773.405	-	626.771.286
Thu nhập trước thuế theo bộ phận	15.784.477.861	424.424.606	-	16.208.902.467
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ				53.755.868.467
Tổng lợi nhuận trước thuế				69.964.770.934
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	1.274.209.829	61.310.176	-	1.335.520.005
Tài sản bộ phận	63.129.343.956	80.411.997.547	-	143.541.341.503
Tài sản không phân bổ				3.454.330.491.293
Tổng tài sản	1.567.821.059	7.627.214.382	-	3.597.871.832.796
Tổng nợ phải trả theo bộ phận				9.195.035.441
Tổng nợ phải trả không phân bổ				795.565.436.995
Tổng nợ phải trả				804.760.472.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

24.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	15.628.406.000	8.594.682.045	-	24.223.088.045
Tổng doanh thu	15.628.406.000	8.594.682.045	-	24.223.088.045
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Khấu hao và hao mòn	425.474.831	32.273.661	-	457.748.492
Lỗ trước thuế theo bộ phận	(34.736.500.178)	(2.684.877.549)	-	(37.421.377.727)
Thu nhập trước thuế không phân bổ				85.476.063.076
Tổng lợi nhuận trước thuế				48.054.685.349
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	4.536.184.149	344.084.444	-	4.880.268.593
Tài sản bộ phận	13.900.372.731	1.157.415.720	-	15.057.788.451
Tài sản không phân bổ				2.827.423.409.153
Tổng tài sản				2.842.481.197.604
Tổng nợ phải trả theo bộ phận				3.828.700.773
Tổng nợ phải trả không phân bổ				667.025.900.117
Tổng nợ phải trả	1.712.796.312	2.115.904.461	-	670.854.600.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động gồm văn phòng và ô tô. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	3.585.627.256	4.105.570.336
TỔNG CỘNG	3.585.627.256	4.105.570.336

Các cam kết khác

Công ty cam kết liên đới bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho tất cả và bất kỳ nghĩa vụ nào của Công ty An Phát Complex phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hợp vốn, trong đó bên cho vay là Ngân hàng Industrial and Commercial Bank of China Limited – Chi nhánh Thành Phố Hà Nội và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã thế chấp một số cổ phiếu AAA của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu NHH của Công ty Nhựa Hà Nội, được nắm giữ bởi Công ty, cho các khoản vay ngân hàng và các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ		
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Đô la Mỹ (USD)	282.233,38	209,71
Dirham (DIR)	1.680	1.680

27. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế và hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 8.500.000 cổ phiếu NHH, tương đương với 23,32% cổ phần trong Công ty Nhựa Hà Nội cho Công ty Nhựa An Phát Xanh. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa Hà Nội sau giao dịch này là 22,06%.

Cũng trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 14 tỷ VND vào Công ty PBAT theo đăng ký kinh doanh mới, tăng vốn điều lệ của Công ty PBAT lên 130 tỷ VND. Trong đó, Công ty đóng góp 120 tỷ VND.

Trong tháng 2 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 48.776.860 cổ phiếu phổ thông để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện 100:25.

Trong tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc thực hiện chuyển quyền sở hữu 6.694.213 cổ phiếu AAA nhằm thực hiện thanh toán một phần nợ gốc trái phiếu hoán đổi phát hành ngày 3 tháng 7 năm 2020 với tổng giá trị là 81 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh sau giao dịch này là 48,7%.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Hồ Thị Hòa
Người lập kiêm kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

